

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Sư phạm Lịch sử - Địa lí
Tên tiếng Anh	: History - Geography Teacher Education
Mã ngành	: 7140249
Tên các chuyên ngành	:
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Tập trung

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2542/QĐ-ĐHQN ngày 05 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Mã ngành: 7140249

Tên tiếng Anh: : History - Geography Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lí được thiết kế theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và có năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo ra cử nhân có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng các chuẩn về nghề nghiệp dạy học phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay đáp ứng được yêu cầu xã hội trong bối cảnh mới. Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt công tác giảng dạy, giáo dục ở các trường phổ thông; có khả năng công tác ở các cơ quan đảng, đoàn thể, chính quyền; có khả năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc theo học các trình độ đào tạo cao hơn.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lí được xây dựng theo hệ thống tín chỉ với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Tham gia giảng dạy chương trình là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có

uy tín và giàu nhiệt huyết. Trường Đại học Quy Nhơn được biết đến là cái nôi của các ngành Sư phạm nói chung và Sư phạm Lịch sử - Địa lí nói riêng, đào tạo ra hàng nghìn giáo viên phục vụ công tác giáo dục ở khu vực Nam trung bộ, Tây Nguyên và nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Sư phạm Lịch sử - Địa lí
2. Mã ngành đào tạo	7140249
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Tập trung
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).
11. Thang điểm đánh giá	Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.
13. Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí có thể đảm nhận các vị trí như: <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác giảng dạy tại các trường phổ thông; - Làm việc tại các cơ quan đảng - đoàn thể, hành chính sự nghiệp, các bảo tàng, khu di tích, hướng dẫn du lịch; - Làm công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu liên quan đến kiến thức Lịch sử, Địa lí. - Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ.
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học chuyên ngành thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Lịch sử, Địa lí, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Lý

	luận và phương pháp dạy học Địa lí; Lịch sử Đảng; Quản lí giáo dục, Quản lí văn hóa, Quản lí tài nguyên môi trường...
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Năm 2021

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Chương trình đào tạo ngành			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành		x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x		
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp				x
	Hoạt động ngoại	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x
Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			x	x	
Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x	x		

khóa	Hiến máu nhân đạo		x		
	Hoạt động vì người nghèo		x		
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.	x		
	PLO2	Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Lịch sử - Địa lí và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.			x
	PLO3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Lịch sử - Địa lí.		x	x
	PLO4	Vận dụng được những kiến thức chuyên môn: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Địa lí học, Lí luận và phương pháp dạy học để giảng dạy và nghiên cứu môn Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông.		x	x
	PLO5	Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành Lịch sử - Địa lí để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.		x	x
	PLO6	Vận dụng được các phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lí phù hợp với		x	x

	<p>đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học su phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.</p>			
PLO7	<p>Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.</p>		X	X
PLO8	<p>Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.</p>	X	X	X
PLO9	<p>Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.</p>		X	X
PLO10	<p>Có các kỹ năng: sưu tầm và xử lý tư liệu; phân tích, trình bày kiến thức lịch sử, địa lí; nghiệp vụ sư phạm vững vàng; có kỹ năng tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau, có văn hóa tranh luận phù</p>		X	X

		hợp; kỹ năng tạo tình huống và giải quyết tình huống có vấn đề trong dạy học để tổ chức tốt hoạt động dạy học nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục ở trường phổ thông.			
	PLO11	Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.		X	X
	PLO12	Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.	X	X	X
	PLO13	Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ	X	X	X

		thông.			
	PLO14	Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.		X	X

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí có kiến thức tốt về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị và có sức khỏe tốt; có kỹ năng sư phạm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để giảng dạy hiệu quả môn Lịch sử và Địa lí ở bậc Trung học cơ sở trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí bao gồm:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương để rèn luyện phẩm chất chính trị và học tập suốt đời; trang bị những kiến thức khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với mọi cơ hội việc làm; cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ tổ quốc.

+ PO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Nhập môn Lịch sử và Địa lí, Khoa học Trái Đất, Bản đồ giáo khoa, Nhân học đại cương Lịch sử văn minh thế giới, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Địa lí đại cương. Chương trình chú trọng trang bị cho SV các kiến thức chuyên ngành; Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Địa lí thế giới, Việt Nam. Các chuyên đề có tính chất tích hợp liên môn như: Biển đảo Việt Nam, Đô thị, Các nền văn minh của Việt Nam. Các chuyên đề có tính chất chuyên sâu: Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới; Biến đổi khí hậu và Phòng chống thiên tai; Địa lí du lịch, ... để người học có đủ năng lực chuyên môn trong học tập, nghiên cứu và dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

+ PO3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí; Các chuyên đề: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Lịch sử và Địa lí, Phát triển chương trình, Dạy học trải nghiệm, Dạy học tích hợp, Hoạt động trải nghiệm và kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí, phương pháp nghiên cứu Lịch sử và Địa lí địa phương, ... để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học ở nhà trường phổ thông.

- *Về kĩ năng*

+ PO4: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh hay các ngoại ngữ tương đương đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo Khung 6 bậc của Bộ GD&ĐT và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản một cách hiệu quả trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục.

+ PO5: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục để thực hiện tốt các công việc của một giáo viên.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

+ PO6: Hình thành cho sinh viên các phẩm chất cơ bản của người giáo viên: yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực để mỗi giáo viên thực sự là những tấm gương sáng góp phần hình thành nhân cách cho người học.

+ PO7: Hình thành cho sinh viên ý thức tự học, tự nghiên cứu để phát huy được tính chủ động tích cực, tính tự giác, tính độc lập trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Đồng thời tạo ra nội lực của người học nhằm đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế đảm bảo SV tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

+ *Kiến thức chung*

- PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

- PLO2: Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Lịch sử và Địa lí, cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; Vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.

+ *Kiến thức chuyên môn*

- PLO3: Vận dụng được những kiến thức cơ sở về Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội

để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Lịch sử và Địa lí.

- PLO4: Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành về Lịch sử và Địa lí để học tập, nghiên cứu và dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

- PLO5: Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành khoa học Lịch sử và Địa lí để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.

- PLO6: Vận dụng được các kiến thức về phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí phù hợp với đối tượng người học, điều kiện dạy học; Khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh; Vận dụng được những kiến thức về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.

- PLO7: Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

1.5.2. Về kĩ năng

+ Kĩ năng chung

- PLO8: Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.

- PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

+ Kĩ năng chuyên môn

- PLO10: Có khả năng phân tích chương trình, SGK môn Lịch sử và Địa lí; kĩ năng vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và sử dụng phương tiện trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực cho học sinh;

- PLO11: Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

- PLO12: Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.

1.5.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO13: Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

- PLO14: Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x	x											
PO2			x	x	x	x	x	x		x	x			
PO3				x	x	x	x	x		x	x			
PO4									x		x			x
PO5								x		x	x	x		
PO6												x	x	
PO7						x								x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

1.6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền

5. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Học theo tình huống			x	x	x	x		x		x		x		x
III. Học trải nghiệm														
7. Thực tế, thực tập			x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
8. Mô hình				x		x		x	x		x	x		
IV. Dạy học tương tác														
9. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
10. Học nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11. Tranh luận	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
V. Tự học														
12. Bài tập ở nhà			x	x	x	x	x		x	x	x			x

1.6.1.3. Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan;

- Mỗi học kỳ, các bộ môn và Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

1.6.2.1. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết kết quả học tập của sinh viên.

Bảng hệ thống thang điểm

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
	Từ 9.5 đến 10	A+	4.0
	Từ 8.5 đến 9.4	A	4.0
	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5

Đạt	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
	Từ 5.5 đến 6.4	C	2
	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Từ 4.0 đến 4.9	D	1
Không đạt	Nhỏ hơn 4.0	F	0

1.6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	10%
2	Quá trình	* <i>Bài tập về nhà</i> : Bài làm đúng và đầy đủ. * <i>Bài tập tại lớp</i> : Bài làm đúng, thể hiện được quan điểm cá nhân * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài kiểm tra viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Thảo luận, hoạt động nhóm</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân.	20%
3	Cuối kỳ	* <i>Bài thi viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài thi vấn đáp</i> : Bài làm đúng, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân.	70%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

c. Học phần đồ án môn học

d. Học phần khóa luận/đồ án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn

1.6.2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Lịch sử - Địa lí được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x		x		x	x		x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x			x
3. Đánh giá thuyết trình			x	x	x		x		x	x	x			
II. Đánh giá tổng kết														
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x			x	x	x			
5. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x						x	x	x		
6. Thi vấn đáp				x		x		x		x	x			
7. Báo cáo				x		x		x	x	x	x		x	
8. Đánh giá thuyết trình						x		x		x	x	x		
9. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	

1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	
1.3.	Ngoại ngữ	7	
1.4.	Khởi nghiệp, kỹ năng giao tiếp	4	
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108	6
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	29	
2.2.	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	40	4
2.3.	Khối kiến thức bổ trợ	33	2
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	
Tổng:		[132]	[06]
		[138]	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 35 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP- AN)

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh để rèn luyện phẩm chất chính trị cho người giáo viên tương lai. Trong khối kiến thức này, SV còn được trang bị tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, làm cơ sở để SV mở rộng vốn kiến thức, văn hóa trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống. Bên cạnh đó, SV còn được trang bị các kiến thức về giao tiếp, khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với sự thay đổi của nghề nghiệp, để nắm bắt được các cơ hội việc làm. Đồng thời, trong khối kiến thức này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 57 học phần:

+ *Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (11 học phần)* giúp người học có kiến thức cơ sở ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí về: Tin học cơ sở; Tâm lý học; Giáo dục học; Nhập môn Lịch sử - Địa lí; Cơ sở khảo cổ học; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới; Khoa học Trái Đất; Bản đồ giáo khoa; Địa lí tự nhiên đại cương; Địa lí kinh tế - xã hội đại cương. Đây là khối kiến thức nền tảng để sinh viên có thể vận dụng trong quá trình học tập và giảng dạy sau khi tốt nghiệp.

+ *Khối kiến thức ngành và chuyên ngành (24 học phần, trong đó có 02 học phần tự chọn)* giúp cho người học có những kiến thức vững chắc và chuyên sâu về Lịch sử, Địa lí; vận dụng được những kiến thức ngành, chuyên ngành Lịch sử, Địa lí để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn; khai thác, phát triển được học liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu; có những hiểu biết căn bản và có khả năng

vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến lĩnh vực Lịch sử, Địa lí; có kỹ năng tốt về thuyết trình; có tư duy phản biện và có lập luận, giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử, Địa lí; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

+ *Khối kiến thức bổ trợ (15 học phần, trong đó có 01 học phần tự chọn)* giúp cho người học hiểu được các kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Địa lí ở trường phổ thông; dạy học theo hướng tích hợp và phân hóa, các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá trong dạy học môn Lịch sử, Địa lí... để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học ở nhà trường phổ thông. Vận dụng và phân tích được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực Lịch sử, Địa lí; có kỹ năng giao tiếp sư phạm; có kỹ năng xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; có kỹ năng tốt trong việc truyền đạt, chuyển tải kiến thức đến người khác. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có tư duy phản biện và sử dụng những giải pháp thay thế trong công việc; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử, Địa lí; có khả năng đánh giá được chất lượng công việc và tự đưa ra kết luận chuyên môn, nghề nghiệp; có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể; có đạo đức nghề nghiệp.

+ *Thực tế chuyên môn, Thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế tốt nghiệp (07 học phần)* giúp cho người học trải nghiệm thực tế dạy học Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông, hoàn thành các nội dung học tập cuối khóa bằng khóa luận hay các chuyên đề thay thế liên quan đến ngành học.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra PLOs													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	17,3 %														
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,4%	H	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	L
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	8,6%	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	L
1.3	Ngoại ngữ	7	5%	M	-	L	-	-	-	-	L	H	-	-	-	-	-
1.4	Khởi nghiệp, Kỹ năng giao tiếp	4	2,8%	H	-	-	-	-	-	M	H	-	M	-	M	H	L
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	11	82,6 %														
2.1	Khối kiến thức cơ	29	21,1	M	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	H	-	-

	sở ngành và khối ngành		%													
2.2	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	44	31,8 %	M	-	H	H	-	-	-	H	H	-	-	H	-
2.3	Khối kiến thức bổ trợ	35	25,4 %	M	-	-	-	H	H	H	H	-	-	H	H	M
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,3 %	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	L
Tổng		13	100													
		8	%													

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24									
<i>Phần bắt buộc</i>													
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
01	1130299	Triết học Mác - Lênin	1	3	40		10			85		LLCT-Luật và QLNN	
02	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			57	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			57		LLCT-Luật và QLNN	
04	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			57	1130300	LLCT-Luật và QLNN	
05	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			57	1130301	LLCT-Luật và QLNN	
06	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			57	1130302	LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				12									
Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 07 nhóm sau				3									
07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	

08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP	
Giáo dục quốc phòng-AN				9									
28	1120168	Giáo dục quốc phòng- An ninh 1	2	3	37		8			82		GDTC-QP	

29	1120169	Giáo dục quốc phòng- An ninh 2	2	2	22		8		52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục quốc phòng- An ninh 3	2	2	14			16	44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục quốc phòng- An ninh 4	2	2	4			56	36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ					7							
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15			90		Ngoại ngữ	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20			120	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quân lý					4							
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20	60		KHXH&NV	
35	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10		55		TCNH& QTKD	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					114							
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành					29							
36	1050242	Tin học cơ sở (Sur phạm)	1	3	30			30	75		CNTT	
37	1100086	Tâm lý học	3	3	30	10	10		85	1130299	KHXH &NV	
38	1100026	Giáo dục học	4	4	40	15	10		120	1100086	KHXH &NV	
39	2010107	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	1	2	25		10		60		Sư phạm	
40	1080189	Khoa học Trái Đất	1	2	25			10	50		KHTN	
41	2010109	Bản đồ giáo khoa	1	3	35		10	10	75		KHTN	
42	2030193	Nhân học đại cương	3	2	25		10		50		KHXH &NV	
43	2030190	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	25		10		50		KHXH &NV	
44	2010108	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1	2	25		10		50		KHXH &NV	
45	2020484	Địa lí tự nhiên đại cương	2	3	35	5		10	75		KHTN	
46	2020479	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	3	35	5		10	75		KHTN	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)					44							
II.2.1. Kiến thức ngành					44							
II.2.1a. Phần bắt buộc					40							
47	2020485	Địa lí tự nhiên thế giới	3	3	35	5		10	75	2020484	KHTN	
48	2020480	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới I	4	2	25		4	6	60	2020479	KHTN	
49	2020481	Địa lí kinh tế - xã hội	4	2	25		4	6	60	2020479	KHTN	

II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp				27								
<i>Các học phần bắt buộc</i>				25								
71	2010134	Phương pháp nghiên cứu Lịch sử và Địa lí địa phương	4	2	20		10	10		50	2010107	Sư phạm
72	2010126	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	5	3	30			30		75	2010107	Sư phạm
73	2010132	Phương pháp dạy học Lịch sử	6	2	20		5	15		50	2010126	Sư phạm
74	2010131	Phương pháp dạy học Địa lí	6	2	20		5	15		50	2010126	Sư phạm
75	2010148	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí	5	2	20		5	15		50	2010107	Sư phạm
76	2010151	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí	6	2	20		10	10		50	2010126	Sư phạm
77	2010117	Dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí	6	2	20			20		50	2010126	Sư phạm
78	2010121	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	2	20			20		50	2010126	Sư phạm
79	2010122	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	2	20		10	10		50	2010132 2010131	Sư phạm
80	2010137	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	6	2				60		90	2010126	Sư phạm
81	2010139	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	7	2				60		90	2010137	Sư phạm
82	2010133	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương	7	2	20			20		60	2010134	Sư phạm
<i>Các học phần tự chọn:</i> <i>Chọn 01 trong 03 học phần</i>				02								
83	2010135	Phương tiện kĩ thuật trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	2	20		10	10		50	2010126	Sư phạm
84	2010111	Bài tập nhận thức trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	2	15			30		50	2010126	Sư phạm
85	2010119	Giáo dục dân số, môi trường trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	2	20		10	10		50	2010126	Sư phạm
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				8								
86	2010147	Thực tế chuyên môn	6	2					TT		2010108	Sư phạm
87	2010144	Thực tập sư phạm 1	7	1					TT		2010137	Sư phạm
88	2010146	Thực tập sư phạm 2	8	5					TT		2010144	Sư phạm
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6								

		chuyên 3)															
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Câu lông 1)	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Câu lông 2)	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 3)	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
Giáo dục quốc phòng-AN																	
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	L	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
I.3. Ngoại ngữ																	
32	1090061	Tiếng Anh 1	-	L	-	L	-	-	-	L	M	-	-	-	M	M	M
33	1090166	Tiếng Anh 2	-	M	-	M	-	-	-	M	H	-	-	-	M	M	M
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quân lý																	
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	M	H	-	-	-	-	M	H	L	-	-	M	M	M	M
35	1150422	Khởi nghiệp	M	H	-	-	-	-	M	H	L	-	-	M	M	M	M
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành																	
36	1050242	Tin học cơ sở (Su phạm)	M	M	-	-	-	-	-	L	M	-	-	-	-	M	M
37	1100086	Tâm lý học	M	M	-	-	-	L	M	M	-	-	-	M	M	M	M
38	1100026	Giáo dục học	M	M	-	-	-	L	M	M	-	M	-	M	M	M	M

39	2010107	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	-	-	M	M	H	H	-	H	-	H	-	H	-	H
40	1080189	Khoa học Trái Đất	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	-	-	-	M
41	2010109	Bản đồ giáo khoa	-	-	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M	-
42	2030193	Nhân học đại cương	-	-	M	M	-	H	H	H	-	H	H	-	H	H
43	2030190	Lịch sử văn minh thế giới	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M
44	2010108	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	-	M	M	M	-	M	-	-	M	-	M	-	-
45	2020484	Địa lí tự nhiên đại cương	-	-	M	M	-	-	-	-	M	-	M	M	-	-
46	2020479	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	-	-	M	M	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)																
II.2.1. Kiến thức ngành																
II.2.1a. Phần bắt buộc																
47	2020485	Địa lí tự nhiên thế giới	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	-	-	-	M
48	2020480	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1	-	-	L	L	M	-	-	M	-	M	M	M	M	M
49	2020481	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2	-	-	M	M	M	-	-	M	-	M	M	M	M	M
50	2020486	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M
51	2020487	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	-	-	M	M	M	M	M	M	-	-	-	-	-	-
52	2020482	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	-	-	M	L	L	L	L	M	-	M	M	-	H	H
53	2020483	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	-	-	M	L	L	L	L	M	-	M	M	-	H	H
54	2030188	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	-	-	M	M	M	M	-	-	M	-	-	-	M	M
55	2030187	Lịch sử thế giới cận đại	-	-	M	L	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
56	2030189	Lịch sử thế giới hiện đại	-	-	M	M	M	M	M	H	-	H	H	-	H	H
57	2030183	Chủ nghĩa tư bản hiện đại và Chủ nghĩa xã hội hiện thực	-	-	M	M	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
58	2030196	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M
59	2030191	Lịch sử Việt Nam cận đại	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
60	2030192	Lịch sử Việt Nam hiện đại	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
61	2030185	Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
62	2010112	Biển đảo Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H

63	2010118	Đô thị: lịch sử và hiện tại	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
64	2010113	Các nền văn minh Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
II.2.1b. Phần tự chọn																
<i>Lịch sử thế giới: chọn 01 trong 03 học phần</i>																
65	2020469	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	M	H	H
66	2020476	Dân số, môi trường và phát triển bền vững	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	M	H	H
67	2020478	Địa lí du lịch	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	M	H	H
<i>Lịch sử Việt Nam: chọn 01 trong 03 học phần</i>																
68	2030186	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
69	2030184	Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
70	2030194	Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
II.3. Kiến thức bổ trợ																
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp																
II.3.1a. Phần bắt buộc																
71	2010134	Phương pháp nghiên cứu Lịch sử và Địa lí địa phương	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
72	2010126	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
73	2010132	Phương pháp dạy học Lịch sử	-	-	M	H	-	H	H	H	H	H	H	-	H	H
74	2010131	Phương pháp dạy học Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	H	H	H	H	-	H	H
75	2010148	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	M	M	H	H	-	H	H	H	H	H	H
76	2010151	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	M	M	H	H	-	H	H	H	-	H	H
77	2010117	Dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
78	2010121	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
79	2010122	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
80	2010137	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm I	-	-	M	H	-	H	H	-	H	H	H	H	H	H

81	2010139	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	-	-	M	L	L	L	-	H	-	H	H	-	H	H
82	2010133	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
<i>II.3.1b. Phần tự chọn: chọn 01 trong 03 học phần</i>																
83	2010135	Phương tiện kĩ thuật trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
84	2010111	Bài tập nhận thức trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
85	2010119	Giáo dục dân số, môi trường trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
<i>II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</i>																
86	2010147	Thực tế chuyên môn	-	-	M	H	H	-	H	H	H	H	H	H	H	H
87	2010144	Thực tập sư phạm 1	-	-	M	H	H	-	H	H	H	H	H	H	H	H
88	2010146	Thực tập sư phạm 2	-	-	M	H	H	H	H	M	M	M	M	M	M	M
<i>III.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế</i>																
89	2010125	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	M	H
<i>Học phần thay thế</i>																
90	2030195	Tiến trình hội nhập và phát triển của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
91	2020498	Một số vấn đề địa lí hiện đại	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
92	2010130	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử và Địa lí	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H	H
Tổng cộng: 138																

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác - Lênin], [3]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác-Lênin], [2]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

2.6.4. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

2.6.5. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

2.6.6. [1130091], [Tur tưởng Hồ Chí Minh], [2]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.8. [1120173] , [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [1]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.9. [1120174] , [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [1]

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.10. [1120175] , [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)], [1]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.

2.6.11. [1120176] , [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)], [1]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số

bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.

2.6.12. [1120177] , [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)], [1]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

2.6.13. [1120178] , [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.14. [1120179] , [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.15. [1120180] , [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

2.6.16. [1120181] , [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.17. [1120182] , [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn

luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.18. [1120183] , [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

2.6.19. [1120184] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.20. [1120185] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.21. [1120186] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.22. [1120187] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.23. [11201878] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.24. [1120189] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.25. [1120190] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người

2.6.26. [11201891] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.27. [1120192] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.28. [1120168] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 1)], [3]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.29. [1120169] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 2)], [2]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.30. [1120170] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 3)], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp

phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiên công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.31. [1120171] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 4)], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiên công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).[2.6.32]. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3]

2.6.32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.34. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

2.6.35. [1150422], [Khởi nghiệp], [2]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp

đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

2.6.36. [1050242], [Tin học cơ sở (Su phạm)], [3]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, những kiến thức cơ bản về E-Learning, và các phần mềm phục vụ giảng dạy phổ biến. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng Tin học vào các hoạt động giảng dạy của ngành mà sinh viên đang học.

2.6.37. [1100086], [Tâm lý học], [3]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý và tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.

2.6.38. [1100026], [Giáo dục học], [4]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:

- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể.

- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học.

- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh.

2.6.39. [2010107], [Nhập môn Lịch sử và Địa lí], [2]

Nhập môn Lịch sử và Địa lí là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản khoa học Lịch sử và Khoa học Địa lí, mối quan hệ giữa Lịch sử và Địa lí. Học phần giúp SV hiểu được đặc điểm của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông. Qua đó, học phần giúp cho SV hiểu để trở thành giáo viên dạy học môn Lịch sử và Địa lí cần nắm vững các kiến thức và kỹ năng gì?

2.6.40. [1080189], [Khoa học Trái Đất], [2]

Học phần Khoa học Trái Đất là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học Trái Đất; Các đặc điểm của Trái Đất như hình dạng, kích thước các vận động và những hệ quả của vận động

Trái Đất; Thành phần cấu tạo, đặc điểm các quyển Trái Đất; Các hoạt động địa chất; Các quy luật địa lí phổ biến; Vấn đề môi trường và con người. Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá về tự nhiên và môi trường thông qua những số liệu, bảng tính, bản đồ, biểu đồ có trong môn học; Học phân cũng sẽ giúp cho người học khả năng phối hợp làm việc nhóm, hùng biện...

2.6.41. [2010109], [Bản đồ giáo khoa], [3]

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chung, cơ bản về Bản đồ giáo khoa. Sau khi học xong chương trình, sinh viên có thể nắm được các nội dung kiến thức cơ bản về thiết kế và biên tập Bản đồ giáo khoa. Ngoài ra, thông qua thực hành sinh viên có thể đo đạc, phân tích và sử dụng bản đồ trên thực địa trong các học phần chuyên ngành tiếp theo.

2.6.42. [2030193], [Nhân học đại cương], [2]

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến cuộc sống con người như nguồn gốc loài người, các chủng tộc trên thế giới, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ thống thân tộc, các tổ chức hiệp hội xã hội... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào. Những nội dung sẽ được tập trung nhấn mạnh trong học phần là: Những vấn đề chung của Nhân học; Các chủng tộc trên thế giới; Các thiết chế xã hội; Các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2.6.43. [2030190], [Lịch sử văn minh thế giới], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông, phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở này, sinh viên bước đầu nhận biết các khái niệm cơ bản: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, tiếp biến văn minh, va chạm văn minh. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.

2.6.44. [2010108], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [2]

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

2.6.45. [2020485], [Địa lí tự nhiên địa cương], [3]

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình Lịch sử - Địa lí, là nền tảng tri thức để nghiên cứu sâu hơn về địa lí tài nguyên, làm rõ tính thống nhất, hoàn chỉnh của các học phần tự nhiên, các quyển địa lí. Học phần cung cấp những kiến thức

chung nhất về hệ thống tự nhiên Trái Đất, các quyển thành phần, các quy luật địa lí chung của Trái đất – là những kiến thức cơ sở để sinh viên tiếp thu những kiến thức chuyên ngành.

2.6.46. [2020479], [Địa lí kinh tế - xã hội đại cương], [3]

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về địa lí kinh tế - xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ và vị trí của địa lí kinh tế - xã hội trong hệ thống khoa học Địa lí. Trên cơ sở nghiên cứu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội giúp sinh viên nắm được các kiến thức địa lí kinh tế - xã hội: Vấn đề về địa lí dân cư, địa lí xã hội. Một số vấn đề chung về kinh tế: nguồn lực phát triển kinh tế, các chỉ tiêu đánh giá nền kinh tế; các kiến thức cơ bản về địa lí các ngành kinh tế: Địa lí nông nghiệp, Địa lí công nghiệp, Địa lí dịch vụ.

2.6.47.[2020485],[Địa lí tự nhiên thế giới], [3]

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Lịch sử - Địa lí, học phần Địa lí tự nhiên thế giới trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm địa lí tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên ở các châu lục trên thế giới, gồm Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam cực. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn các nhân tố hình thành tự nhiên một lãnh thổ (vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, lịch sử phát triển tự nhiên), đặc điểm địa lí tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, sông ngòi và hồ, các đới cảnh quan) ở từng châu; nắm được các quy luật phân hóa thiên nhiên, đặc trưng của mỗi châu lục, đặc điểm địa lí một số khu vực tự nhiên trên mỗi châu; cung cấp các kiến thức khái quát về địa lí nhân văn và quá trình khai thác sử dụng tự nhiên phục vụ nhu cầu phát triển của con người.

2.6.48. [2020480], [Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1], [2]

Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 là học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về tình hình kinh tế - xã hội thế giới và hai châu lục (châu Âu, châu Á), bao gồm những nội dung sau: Các bộ phận của nền kinh tế thế giới, sự phân chia các quốc gia, đặc điểm của nền kinh tế thế giới. Những kiến thức về nguồn lực tự nhiên, dân cư - xã hội tác động đến sự phát triển kinh tế; địa lí các ngành kinh tế; cách thức tổ chức quản lí, khai thác lãnh thổ... của châu Á, châu Âu và một số quốc gia điển hình. Trên cơ sở đó, sinh viên liên hệ với thực tiễn cuộc sống, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội thế giới, nhìn nhận và rút ra được những bài học kinh nghiệm trên con đường phát triển của Việt Nam. Mối quan hệ của Việt Nam với các nước, khu vực trong xu hướng toàn cầu hóa.

2.6.49. [2020481], [Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2], [2]

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về tình hình kinh tế - xã hội Hoa Kỳ, châu Mĩ Latinh, châu Phi, Australia, bao gồm những nội dung sau:

- Những kiến thức về nguồn lực tự nhiên, dân cư - xã hội tác động đến sự phát triển kinh tế; đặc điểm các giai đoạn phát triển kinh tế, địa lí các ngành kinh tế; cách thức tổ chức quản lí, khai thác lãnh thổ... những thành tựu đạt được, những khó khăn trong quá trình phát triển, bài học thành công, cũng như thất bại của khu vực Châu Mĩ – Châu Mĩ Latinh - Châu Phi – Australia và các quốc gia điển hình.

- Mối quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia của khu vực.

2.6.50. [2020486], [Địa lí tự nhiên Việt Nam 1], [2]

Khái quát về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và ý nghĩa của chúng đối với việc hình thành các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Khoáng sản Việt Nam. Đặc điểm địa hình. Đặc điểm khí hậu và sự phân hóa khí hậu. Đặc điểm sông ngòi và các hệ thống sông chính; đặc điểm hải văn Biển Đông. Đặc điểm thổ nhưỡng và các loại đất chính. Đặc điểm sinh vật và các hệ địa sinh thái đặc trưng. Các vấn đề bảo vệ môi trường và tự nhiên Việt Nam.

2.6.51. [2020487], [Địa lí tự nhiên Việt Nam 2], [2]

Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm địa lí; Là học phần chuyên sâu về tự nhiên các miền địa lí, nội dung kiến thức của học phần là cơ sở cho học các học phần về Địa lí kinh tế. Học phần cung cấp các kiến thức về phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam; Về sự ảnh hưởng của các quy luật phân hóa tự nhiên đến sự phân hóa tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam. Phạm vi ranh giới, đặc điểm chung về tự nhiên và đặc điểm các hợp phần của các miền địa lí tự nhiên: Miền Bắc - Đông Bắc Bắc bộ, Miền Tây Bắc - Bắc Trung bộ, Miền Nam Trung bộ - Nam bộ; Các khu vực địa lí tự nhiên của các miền và phương hướng khai thác, sử dụng tài nguyên, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên của các miền.

2.6.52. [2020482], [Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1], [2]

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về: Vai trò, vị trí của Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập; Nguồn lực vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; Nguồn lực dân cư và nguồn lao động; Nguồn lực hệ thống tài sản quốc gia; Nguồn lực bên ngoài (Ngoại lực).

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành dành cho sinh viên ngành sư phạm lịch sử - địa lí. Từ việc nhận thức đầy đủ được vai trò, vị trí của Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa, sinh viên có thể hiểu một cách sâu sắc các nguồn lực chính ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

2.6.53. [2020483], [Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2], [2]

Học phần bao gồm các nội dung: Vai trò, vị trí của các ngành kinh tế trong quá trình CNH, HĐH; các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; Cơ cấu kinh tế theo nhóm ngành và theo loại hình kinh tế; tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế ở Việt Nam; Các loại vùng kinh tế - xã hội; Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế; Đặc trưng các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.

2.6.54. [2030188], [Lịch sử thế giới cổ - trung đại], [2]

Nội dung học phần bao gồm: Hệ thống những kiến thức cơ bản của Lịch sử thế giới cổ - trung đại, trong đó tập trung vào những vấn đề cụ thể sau: Nguồn gốc loài người và các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy; sự hình thành, phát triển của các quốc gia cổ đại

phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ) và các quốc gia cổ đại phương Tây (Hy Lạp, La Mã); lịch sử châu Âu thời trung đại; lịch sử các quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á thời phong kiến. Trong từng nội dung sẽ hướng dẫn học viên biết cách liên hệ, vận dụng vào việc giảng dạy phân lịch sử thế giới cổ - trung đại trong chương trình, sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 và lớp 7 Trung học cơ sở.

2.6.55. [2030187], [Lịch sử thế giới cận đại], [2]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cập nhật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về lịch sử thế giới cận đại trên bốn lĩnh vực chính. Đối với *Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại* tập trung làm rõ tiền đề, mục tiêu, loại hình, kết quả, đặc điểm và được khảo cứu qua những cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu thời cận đại. Đối với *Các nước Âu, Mỹ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX* tập trung làm rõ quá trình chuyển biến sang giai đoạn đế quốc của các nước tư bản ở hoàn cảnh, đặc trưng kinh tế, địa vị lịch sử và đặc điểm cũng như quan hệ quốc tế phức tạp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đối với *Phong trào công nhân thời cận đại* làm rõ sự hình thành GCVS, các phong trào đấu tranh tiêu biểu, sự ra đời lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, sự trưởng thành về tổ chức của phong trào, vai trò, đặc điểm phong trào thời cận đại. Đối với *Phong trào giải phóng dân tộc thời cận đại* tập trung làm rõ những lý luận cơ bản của phong trào, khảo sát một số phong trào tiêu biểu ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh, qua đó rút ra điểm tương đồng, khác biệt giữa các phong trào.

2.6.56. [2030189], [Lịch sử TG hiện đại], [2]

Học phần cung cấp cho người học một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản và cập nhật về các sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất trong Lịch sử thế giới giai đoạn 1917 đến nay. Cụ thể: Cách mạng tháng 10 và ảnh hưởng của nó tới phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế; bước thăng trầm của chủ nghĩa tư bản và sự thích của nó; những thay đổi trong quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Thành tựu cơ bản và tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với nhân loại. Nắm được những bước thăng trầm của phong trào cộng sản quốc tế, sự thắng lợi bùng nổ của phong trào giải phóng dân tộc thời hiện đại.

2.6.57. [2030183], [Chủ nghĩa tư bản hiện đại và CNXH hiện thực], [2]

Trên cơ sở tường minh các khái niệm: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại”, “Chủ nghĩa tư bản cổ điển”, “Chủ nghĩa xã hội mácxít”, “Chủ nghĩa xã hội hiện thực” v.v..., học phần đi sâu tìm hiểu những cải biến, đặc điểm cũng như xu hướng vận động và các mô hình khu vực của chủ nghĩa tư bản trong thời đương đại; đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức cập nhật về lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực trong gần 100 năm qua cũng như dự báo triển vọng của nó. Học phần này đưa ra cách tiếp cận vấn đề mang tính đa chiều, đa diện là một dạng kiến thức “mở”, nhằm khuyến khích sự nghiên cứu tiếp tục của sinh viên, ngay cả sau khi học xong tín chỉ này.

2.6.58. [2030196], [Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại], [3]

Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành/chuyên ngành Lịch sử-Địa lý. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nửa đầu thế kỷ XIX qua các thời kỳ: thời kì nguyên thủy; thời kì dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc (thế kỷ VII TCN - thế kỷ II TCN); thời Bắc thuộc và công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (thế kỷ II TCN - thế kỷ X); quá trình xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập tự chủ, thống nhất ở thế kỷ X và công cuộc xây dựng quốc gia dân tộc hùng mạnh thời Lý, Trần, Hồ từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XV; những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, bao gồm: phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và khởi nghĩa Lam Sơn, công cuộc xây dựng đất nước của nhà nước Lê Sơ (thế kỷ XV), tình hình Việt Nam từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, nhà Nguyễn và những chính sách của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lịch sử dân tộc từ thời kì nguyên thủy đến nửa đầu thế kỉ XIX, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

2.6.59. [2030191], [Lịch sử VN cận đại], [2]

Học phần giúp sinh viên nắm được:

- Bối cảnh nước ta nửa sau thế kỷ XIX, tiến trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân ta nửa sau thế kỷ XIX.

- Tình hình Việt Nam sau khi triều Nguyễn ký hai Hiệp ước Hác măng (1883) và Patonôt (1884). Diễn biến và đặc điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Từ đó lý giải về nguyên nhân thất bại của phong trào chống Pháp giai đoạn này.

- Những biến đổi về kinh tế, xã hội và tư tưởng dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897- 1914) và cuộc khai thác thuộc địa lần 2. Sự nảy sinh của trào lưu dân chủ tư sản và những nét mới, tiến bộ của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản từ đầu thế kỷ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất. phong trào dân tộc dân chủ trước và sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

- Những kiến thức cơ bản về sự chuyển biến mới của Việt Nam thời kỳ 1919 – 1945. Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Diễn tiến của cuộc cách mạng tư sản dân quyền từ năm 1930 đến năm 1945. Trên cơ sở đó, phân biệt được các khái niệm: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; khởi nghĩa địa phương và khởi nghĩa từng phần.

2.6.60. [2030192], [Lịch sử VN hiện đại], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về Lịch sử Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay: Quá trình nhân dân Việt Nam tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp (1954 -1975); kháng chiến chống Mỹ, thực hiện đồng thời hai cuộc cách mạng : Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam(1954 -1975), giành thắng lợi vẻ vang ; quá trình hoàn thành thống nhất

đất nước về mặt Nhà nước, bước đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1976); quá trình đổi mới toàn diện đất nước từ 1986 đến nay trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội (1986 - nay). Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về lịch sử của dân tộc; có ý thức và trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.61. [2030185], [Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam], [3]

Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học sư phạm lịch sử - địa lý. Trên cơ sở xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung của học phần trình bày về quá trình chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước, giữ nước đến khi đất nước được giải phóng, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, học phần làm rõ đặc điểm lịch sử chống ngoại xâm và truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam, góp phần giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm cho sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.62. [2010112], [Biển đảo Việt Nam], [2]

Biển, đảo Việt Nam là học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về Biển Đông và các vùng biển, đảo Việt Nam; quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam qua các thời kì; vấn đề khai thác và bảo vệ biển, đảo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Qua đó giáo dục sinh viên ý thức trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời trang bị những kiến thức và kĩ năng cần thiết để vận dụng vào thực tiễn công tác sau khi ra trường.

2.6.63. [2010118], [Đô thị: Lịch sử và hiện tại], [2]

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về đô thị - một loại hình quần cư thể hiện sự tiến bộ của xã hội loài người - đang phát triển và biến đổi mạnh mẽ cùng với tiến trình đô thị hóa diễn ra rộng khắp trên toàn thế giới. Cụ thể, nội dung học phần xoay quanh các vấn đề: Những vấn đề lí luận chung về đô thị như vai trò, phân loại, chức năng, cấu trúc,... của đô thị; Lịch sử hình thành và phát triển đô thị; Một số vấn đề về đô thị hóa như các tiêu chí đánh giá, biểu hiện, xu hướng phát triển, tính quy luật, ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; Sự hình thành và phát triển, đặc điểm cũng như một số vấn đề của đô thị Việt Nam hiện nay.

2.6.64. [2010113], [Các nền văn minh Việt Na], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn minh Việt Nam bao gồm văn minh Văn Lang - Âu Lạc, văn minh Đại Việt và văn minh Chăm-pa, Phù Nam với các nội dung chủ yếu: các nền văn hóa lớn làm cơ sở cho sự hình thành, phát triển các nền văn minh; thành tựu của các nền văn minh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Thông qua đó giúp sinh viên nắm được những đặc điểm, mối quan hệ giữa các nền văn minh và giá trị văn hóa, văn minh mà các thế hệ người Việt đã góp sức tạo nên.

2.6.65. [2020469], [Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai], [2]

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm về biến đổi khí hậu và thiên tai, phân tích tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam, bao gồm các tác động, cách thích nghi và cách ứng phó. Sử dụng kiến thức học phần này trong phân tích đến tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai đến các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, từ đó có giải pháp thích ứng theo hướng phát triển bền vững. Quá trình học tập cũng rèn luyện cho sinh viên khả năng nhận định, tư duy vấn đề, làm việc nhóm, nghiên cứu về biến đổi khí hậu, thiên tai và các giải pháp thích ứng phù hợp với thực tiễn, giảng dạy, truyền thông cho công đồng nơi chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2.6.66. [2020476], [Dân số, môi trường và phát triển bền vững], [2]

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản dân số, phát triển bền vững và mối quan hệ giữa chúng, trong đó tập trung:

- Một số vấn đề lý luận cơ bản về dân số, môi trường và phát triển bền vững: Các khái niệm về dân số, môi trường, phát triển bền vững. Các thông số và thước đo của dân số, phát triển bền vững; Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn.

- Một số vấn đề Dân số hiện nay: Gia tăng dân số - bùng nổ dân số, già hóa dân số, cơ cấu dân số vàng, di dân và đô thị hóa và một số vấn đề dân số khác (mất cân bằng giới tính, “chảy máu” chất xám...) ở các nhóm nước và một số quốc gia tiêu biểu.

- Một số vấn đề Môi trường hiện nay: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí, tiếng ồn...), suy giảm đa dạng sinh học và một số vấn đề môi trường khác (sa mạc hóa, xâm nhập mặn, hạn hán...).

- Mối quan hệ giữa dân số với môi trường và phát triển kinh tế, phát triển bền vững: Dân số với môi trường (tác động của con người đối với môi trường, tài nguyên và ngược lại), dân số với phát triển kinh tế (tác động của dân số với lao động, việc làm; dân số với tăng trưởng và phát triển kinh tế - chú ý tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; dân số với tích lũy và tiêu dùng và ngược lại), dân số với phát triển xã hội (tác động của dân số với giáo dục, y tế, chất lượng cuộc sống, lối sống xanh, bình đẳng giới và ngược lại), Môi trường và phát triển, PTBV hiện nay.

2.6.67. [2020478], [Địa lí du lịch], [2]

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Địa lí du lịch; Vai trò của du lịch và các loại hình du lịch; Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch; Quan niệm, vai trò, mục tiêu của tổ chức lãnh thổ du lịch; Hệ thống phân vị và hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch; Phương pháp phân vùng du lịch; Khái quát về tổ chức lãnh thổ du lịch thế giới và Việt Nam.

Học phần này sử dụng nguồn tài liệu được cập nhật thường xuyên, đặc biệt nguồn thông kê có cơ sở khoa học và chính xác phục vụ quá trình học tập học phần, các nghiên cứu chuyên

sâu trong lĩnh vực du lịch sau này của sinh viên.

2.6.68. [2030186], [Lịch sử ngoại giao VN], [2]

Học phần giúp sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ thời kỳ các vua Hùng dựng nước đến ngoại giao thời Bắc thuộc, ngoại giao thời phong kiến độc lập tự chủ (938 - 1858), ngoại giao thời Pháp thuộc (1858 - 1945), ngoại giao thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975) và ngoại giao thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay.

Qua đó, nêu bật những bài học ngoại giao quý giá của ông cha ta trong lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng; tạo niềm tin khoa học cho sinh viên về tài trí và hiệu quả trong hoạt động ngoại giao hội nhập hiện nay của Đảng và Nhà nước ta

2.6.69. [2030184], [Lịch sử ngoại giao VN], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về con người và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, nhất là quá trình hoạt động, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh. Qua đó, giúp người học hiểu rõ vai trò của Hồ Chí Minh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam; đồng thời hướng người học đến nhận thức cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều nước khác, do đó Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử lỗi lạc không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của nhân dân tiến bộ trên thế giới trong thế kỷ XX.

2.6.70. [2030194], [Những cuộc cải cách trong LSTG], [2]

Cải cách, đổi mới là phương thức thúc đẩy tiến bộ xã hội phổ biến trong lịch sử nhân loại từ xưa đến nay. Có nhiều mức độ và quy mô cải cách khác nhau: cải cách thích ứng và cải cách cách mạng (duy tân), cải cách cục bộ (đơn diện) và cải cách toàn diện... Học phần giúp làm sáng tỏ các loại hình cải cách đó trong suốt chiều dài lịch sử thế giới; qua đó, so sánh những nét tương đồng và dị biệt về cải cách qua từng thời kỳ lịch sử cũng như giữa các châu lục.

2.6.71. [2010131], [PP nghiên cứu LS&ĐL địa phương], [2]

Học phần gồm 5 chương. Trên cơ sở trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về nghiên cứu khoa học (Chương 1), học phần giới thiệu khái quát về nghiên cứu lịch sử và địa lí địa phương, bao gồm: khái niệm, đối tượng, vị trí, ý nghĩa, tình hình và nội dung cơ bản (Chương 2 và Chương 4); đồng thời đi sâu cung cấp những kiến thức liên quan đến công tác nghiên cứu lịch sử và địa lí địa phương, bao gồm: công tác tổ chức nghiên cứu lịch sử và địa lí địa phương, công tác sưu tầm và giám định các nguồn tài liệu trong nghiên cứu lịch sử và địa lí địa phương; công tác biên soạn công trình lịch sử và địa lí địa phương.

2.6.72. [2010126], [Lí luận DH LS&ĐL], [3]

Học phần gồm có hai phần.

Phần thứ nhất: Lý luận dạy học Lịch sử, cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến Khoa học phương pháp dạy học Lịch sử và việc dạy học Lịch sử ở trường phổ thông

Việt Nam. Đặc biệt, đi sâu làm rõ vấn đề hình thành kiến thức, giáo dục và phát triển học sinh trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.

Phần thứ hai: Lý luận dạy học Địa lí, cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến Khoa học phương pháp dạy học Địa lí và việc dạy học Địa lí ở trường phổ thông Việt Nam. Đặc biệt, đi sâu làm rõ vấn đề hình thành kiến thức, giáo dục và phát triển học sinh trong dạy học phân môn Địa lí ở trường THCS.

2.6.73. [2010132], [Phương pháp dạy học Lịch sử], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về quá trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy học; hệ thống phương pháp dạy học lịch sử; một số phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại và các biện pháp, thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, học phần chỉ ra mối liên hệ giữa các phương pháp dạy học lịch sử phù hợp với đặc trưng của nhận thức lịch sử. Dựa vào những kiến thức này, người học có thể sử dụng các biện pháp và thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông một cách linh hoạt, khả thi và hiệu quả.

2.6.74.[2010131], [PP dạy học Địa lí], [2]

Đây là học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản và cụ thể về phương pháp dạy học phân môn Địa lí ở trường THCS. Trên cơ sở phân tích chương trình, SGK, SV vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và sử dụng các thiết bị, phương tiện vào việc dạy học phân môn Địa lí ở THCS theo hướng phát triển phẩm, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

2.6.75. [2010148], [Ứng dụng CNTT trong DH LS&ĐL], [2]

Học phần thể hiện vai trò, tầm quan trọng của việc UDCNTT trong dạy và học lịch sử - địa lí; giới thiệu và hướng dẫn sử dụng một số phần mềm trong dạy học Lịch sử và Địa lí; sử dụng công cụ tìm kiếm tài liệu trên intrnet; hướng dẫn sử dụng một số thiết bị hỗ trợ dạy học.

2.6.76. [2010151], [Xây dựng kế hoạch và tổ chức DH Lịch sử và Địa lí], [2]

Học phần gồm hai phần.

Phần thứ nhất: Xây dựng kế hoạch dạy học Lịch sử và Địa lí, bao gồm kế hoạch dạy học và giáo dục môn học, kế hoạch dạy học bài học Lịch sử và kế hoạch dạy học bài học Địa lí ở trường THCS (Chương 1).

Phần thứ hai. Tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường THCS, bao gồm tổ chức dạy học phân môn Lịch sử (Chương 2) và tổ chức dạy học phân môn Địa lí (Chương 3).

2.6.77. [2010117], [Dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí], [2]

Đây là học phần có ý nghĩa thực tiễn lớn trong việc thực hiện mục tiêu đổi mới dạy học ở trường phổ thông. Thông qua học phần sẽ góp phần phát triển năng lực tổ chức dạy học tích hợp cho sinh viên. Nội dung chính của học phần gồm: Một số vấn đề chung về dạy học tích

hợp; Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các nội dung tích hợp qua môn Lịch sử và Địa lí; Quy trình, kĩ thuật thiết kế, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá hiệu quả đối với các chủ đề tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa.

2.6.78. [2010117], [Hoạt động trải nghiệm trong DH Lịch sử và Địa lí], [2]

Đây là học phần có ý nghĩa thực tiễn lớn trong việc thực hiện mục tiêu đổi mới chương trình, SGK ở trường phổ thông. Thông qua học phần sẽ góp phần phát triển năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên. Nội dung chính của học phần gồm: Một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí; Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp môn Lịch sử và Địa lí và Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giờ lên lớp môn Lịch sử và Địa lí.

2.6.79. [2010122], [Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí], [2]

Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về đổi mới kiểm tra và đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí; Các hình thức kiểm tra, đánh giá: Quan sát, vấn đáp, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập, học sinh tự đánh giá,..; Quy trình biên soạn đề kiểm tra và đáp án môn Lịch sử và Địa lí.

2.6.80. [2010137], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [2]

Học phần được cấu tạo thành 15 bài thực hành giúp SV vận dụng tri thức Tâm lí giáo dục, Lí luận và PPDH Lịch sử và Địa lí, các kiến thức chuyên ngành Lịch sử và Địa lí vào việc thực hiện các nhiệm vụ của người GV ở trường phổ thông. Nội dung chính của học phần gồm: Giao tiếp sư phạm; Tìm hiểu về nghề dạy học; Tìm hiểu môi trường nhà trường và đối tượng HS; Xây dựng và thực hiện kế hoạch chủ nhiệm; Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Thiết kế và tổ chức dạy học một số chủ đề trong phân môn Lịch sử và Địa lí ở THCS; Xây dựng và sử dụng công cụ đánh giá HS. Trên cơ sở hoàn thành những nội dung trên sẽ góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực của người GV tương lai.

2.6.81. [2010139], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [2]

Học phần được cấu tạo thành 20 bài thực hành về các loại bài học như bài nghiên cứu kiến thức mới, bài ôn tập, sơ kết, tổng kết, bài học tại thực địa, nhà bảo tàng, phòng truyền thống, bài học lịch sử và địa lí địa phương, bài giảng điện tử thuộc chương trình, sách giáo khoa lịch sử và địa lí các khối lớp phổ thông cũng như các hoạt động ngoại khóa gắn với nội dung lịch sử và địa lí. Trên cơ sở hoàn thành những bài thực hành này, sinh viên dần hình

thành các kỹ năng sư phạm và tiếp tục vận dụng sáng tạo, hiệu quả trong dạy học lịch sử và địa lí ở trường phổ thông.

2.6.82. [2010133], [PP dạy học LS&ĐL địa phương], [2]

Học phần gồm có 3 chương. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức chung về giáo dục địa phương ở trường phổ thông (Chương 1), học phần đi sâu làm rõ các nội dung liên quan đến phương pháp dạy học Lịch sử địa phương ở trường THCS, bao gồm: xây dựng kế hoạch dạy học Lịch sử địa phương, sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS, chuẩn bị và tiến hành bài dạy Lịch sử địa phương và tổ chức hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm về Lịch sử địa phương (Chương 2); đồng thời cũng đi sâu làm rõ các nội dung liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí địa phương ở trường THCS, bao gồm: xây dựng kế hoạch dạy học Địa lí địa phương, sử dụng tài liệu địa lí địa phương trong dạy học phân môn Địa lí ở trường THCS, chuẩn bị và tiến hành bài dạy Địa lí địa phương và tổ chức hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm về Địa lí địa phương (Chương 3).

2.6.83. [2010135], [Phương tiện kĩ thuật trong dạy học Lịch sử và Địa lí], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về cơ sở lý luận, vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng phương tiện kĩ thuật trong dạy học Lịch sử và Địa lí. Trên cơ sở đó, học phần làm rõ việc phân loại và biện pháp sử dụng các phương tiện này trong dạy học. Học phần cũng trình bày khái niệm về bài giảng điện tử và các yêu cầu, quy trình thiết kế cũng như tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử; nguyên tắc sử dụng và ứng dụng cơ bản của Internet cũng như một số phần mềm phổ biến góp phần đáp ứng các yêu cầu dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

2.6.84. [2010111], [Bài tập nhận thức trong DH LS&ĐL], [2]

Học phần được cấu tạo làm 3 chương. Trên cơ sở trình bày những vấn đề chung về bài tập nhận thức trong dạy học ở trường phổ thông (Chương 1), học phần đi sâu làm rõ những nguyên tắc, quy trình, phương pháp thiết kế cùng với yêu cầu và phương pháp sử dụng loại bài tập nhận thức trong dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS (Chương 2); đồng thời đi sâu làm rõ những nguyên tắc, quy trình, phương pháp thiết kế cùng với yêu cầu và phương pháp sử dụng loại bài tập nhận thức trong dạy học phân môn Địa lí ở trường THCS.

2.6.85. [2010119], [Giáo dục dân số, môi trường trong DH Lịch sử và Địa lí], [2]

Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức về PPDH bộ môn. Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung chủ yếu của giáo dục dân số và giáo dục môi trường; phương thức tích hợp các kiến thức dân số, môi trường trong nội dung địa lí nhà trường; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; kĩ thuật kiểm tra đánh giá hiệu quả của giáo dục dân số và môi trường qua môn Lịch sử và Địa lí.

2.6.86. [2010147], [Thực tế chuyên môn], [2]

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử, địa lí thông qua tìm hiểu thực tế trên cơ sở kiến thức chung về lịch sử và địa lí được học trên giảng đường. Qua đó, giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm, tìm hiểu lịch sử, khảo sát và phân tích những vấn đề địa lí mang tính thực tiễn. Thông qua quá trình tìm tòi, nghiên cứu thực tế, học phần có vai trò quan trọng trong việc củng cố và mở rộng kiến thức lịch sử và địa lí cho sinh viên.

2.6.87. [2010144], [Thực tập sư phạm 1], [1]

Học phần TTSP1 giúp SV tiếp cận với thực tiễn nhà trường phổ thông, bước đầu tập dượt các công việc của người giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn. Nội dung chính của học phần gồm: Dự giờ thực tập giáo dục và thực tập giảng dạy; Lập kế hoạch về công tác chủ nhiệm lớp; Soạn giáo án cho một tiết sinh hoạt chủ nhiệm; Lập kế hoạch dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở THCS; thiết kế chủ đề/ bài dạy học (soạn giáo án) học môn Lịch sử và Địa lí ở THCS; thực hiện tiết dạy theo giáo án đã soạn. Qua đó, giúp SV hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của người GV tương lai.

2.6.88. [2010146], [Thực tập SP 2], [5]

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí các kĩ năng dạy học môn Lịch sử và Địa lí, thực hiện năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học ở trường trung học cơ sở.

2.6.89. [2010125], [Khóa luận tốt nghiệp], [6]

Sinh viên tiến hành một đề tài nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp dựa trên kết quả học tập năm thứ 3, tuân thủ đúng qui trình thực hiện và hướng dẫn trình bày khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp được bảo vệ tại Hội đồng chuyên môn. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, trình bày vấn đề... Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu theo mục tiêu đề ra.

2.6.90.[2030195], [Tiền trình hội nhập và phát triển của VN trong KV ĐNA], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khu vực Đông Nam Á với những nét lịch sử, văn hóa mang bản sắc riêng cũng như nhận diện Việt Nam trong không gian Đông Nam Á qua các thời kỳ lịch sử; quá trình hội nhập và phát triển của Việt Nam vào khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay ở các nội dung: bối cảnh quốc tế và khu vực, hội nhập và phát triển của Việt Nam vào khu vực Đông Nam Á (hội nhập kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác). Qua đây, giúp sinh viên đánh giá những

thành tựu và hạn chế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển trong khu vực.

2.6.91. [2020498], [Một số vấn đề địa lí hiện đại], [2]

Học phần Một số vấn đề Địa lí hiện đại thể hiện những kiến thức mới, hệ thống và cập nhật về một số vấn đề cơ bản của Khoa học Địa lý, Địa hệ thống (Geosystem), những quan niệm hiện đại về Trái Đất và địa quyển, về tương tác đại dương - khí quyển Trái Đất và hệ quả địa lý; về mối quan hệ con người - môi trường trong phát triển bền vững; về địa chính trị và một số vấn đề toàn cầu.

2.6.92. [2010130], [Phát triển NL học sinh trong DH LS&ĐL], [2]

Học phần cấu tạo gồm 3 chương. Trên cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức chung về dạy học phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông (Chương 1), học phần đi sâu trình bày đặc điểm, các thành phần, yêu cầu/biểu hiện của năng lực lịch sử và việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển năng lực học sinh trong phân môn Lịch sử ở trường THCS (Chương 2); đồng thời đi sâu trình bày đặc điểm, các thành phần, yêu cầu/biểu hiện của năng lực địa lí và việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển năng lực học sinh trong phân môn Địa lí ở trường THCS (Chương 3).

Bình Định, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Đình Lương

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ